

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-ST
Ngày: 23/5/2023
V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Phạm Văn Phương.

2/. Bà Đồng Thị Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 100/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1968 (có mặt);

- Ông Văng Thành Tr, sinh năm 1967 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Từ ngày 10/12/2019 đến ngày 24/5/2020 vợ chồng ông TR, bà Thcó đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Chính Sương của tôi để mua phân bón, thuốc trừ sâu về chăm sóc cây sầu riêng. Ông TR, bà Thnăn nỉ vợ chồng tôi bán thiếu, tôi nói cửa

hàng tôi mới mở ít vốn nên chỉ đồng ý bán thiếu cho ông bà trong vòng 06 tháng. Tổng số tiền ông TR, bà Thợ tôi là 80.153.000 đồng. Sau đó vào ngày 17/01/2021 ông TR, bà Thợ trả cho tôi được 10.000.000 đồng đến nay đã hơn 03 năm ông TR, bà Thợ hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả số tiền còn lại cho tôi mặc dù tôi đã liên hệ đòi nhiều lần. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Văng Thành Tr, bà Lê Thị Thợ trả cho tôi số tiền 70.153.000 đồng tiền mua phân bón, thuốc còn nợ.

- *Tại bản tự khai ngày 10/5/2023 và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Thợ trình bày:*

Từ ngày 10/12/2019 tôi và ông TR có mua của ông C phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ số tiền 80.153.000 đồng. Sau đó có trả cho ông C được 10.000.000 đồng, còn nợ ông C 70.153.000 đồng. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn xin ông C cho trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Bị đơn ông Văng Thành Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng, tại đơn xin vắng mặt ngày 23/5/2023 ông Tr thừa nhận có mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông C với số tiền hiện nay còn nợ ông C là 70.153.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa ông C giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bà Thợ xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Văng Thành Tr đã được Tòa án triệu tập đến dự phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông TR.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trần Văn Chính khởi kiện ông Văng Thành Tr và bà Lê Thị Thợ yêu cầu trả số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông TR, bà Thợ có nơi cư trú tại xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 10/12/2019 vợ chồng ông TR, bà Thợ có mua phân bón, thuốc trừ sâu và nợ ông

Cổ tiền 80.153.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ 70.153.000 đồng. Việc mua bán giữa hai bên không có lập hợp đồng bằng văn bản. Tuy nhiên, sau đó giữ ông C và ông TR, bà Th có làm “Bảng cam kết gia hạn nợ phân thuốc” ngày 09/7/2020, ông TR, bà Th thừa nhận còn nợ ông C 80.153.000 đồng và cam kết sẽ trả hết số tiền còn nợ trong vòng 02 tháng. Đồng thời tại bản tự khai ngày 10/5/2023 và tại phiên tòa bà Th cũng thừa nhận hiện nay còn nợ ông C số tiền 70.153.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với ông TR, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng có đơn xin vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt ngày 23/5/2023, ông Tr thừa nhận có mua thuốc, phân bón hiện nay còn nợ ông C 70.153.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Như vậy có đủ căn cứ xác định ông TR, bà Th có mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông C và hiện nay còn nợ ông C 70.153.000 đồng. Ông C đã liên hệ đòi tiền nhiều lần nhưng đến nay ông TR, bà Th vẫn chưa thanh toán tiền cho ông Chính. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ.

Đối với ý kiến bà Th, ông Tr xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ không được ông C đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà Thúy, ông Trưởng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông TR, bà Th có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 70.153.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 430, Điều 431 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi: Ông C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C.

Buộc ông Văng Thành Tr và bà Lê Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn C số tiền 70.153.000 đồng (Bảy mươi triệu, một trăm năm mươi ba nghìn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Ông Văng Thành Tr và bà Lê Thị Th phải chịu 3.507.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Trần Văn C 1.753.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017348 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ông C, bà Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông TR có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang